TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:331/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 3, ngày 02 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 1340/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc " Tranh chấp ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Bà C.T.T.N, sinh năm 1965

Địa chỉ: 2/1 Lê Triệu Kiết, xã Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Đ.H.X, sinh năm 1951

Địa chỉ: 456 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY

Bà C.T.T.N và ông Đ.H.X tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28/8/2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65 của Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà C.T.T.N và ông Đ.H.X.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ vợ chồng: Bà C.T.T.N và ông Đ.H.X thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Không có.

2.3 Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí sơ thẩm: Án phí Ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng bà C.T.T.N chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà bà Châu Thị Tuyết Nhung đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2018/0014942 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 3. Hoàn lại cho bà CTTN 150.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Q.3;
- Chi cục THADS Q.3;
- UBND P.14-Q.3;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành